

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KINH DOANH & ĐẦU TƯ NGUYỄN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên chi nhánh**

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KINH DOANH & ĐẦU TƯ NGUYỄN

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0303576258-003

**3. Ngày thành lập:** 20/11/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ấp Ông Trịnh, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0120.4651968

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                        | 2599        |
| 2.  | Sản xuất linh kiện điện tử<br>chi tiết: Sản xuất linh kiện và thiết bị điện tử-thiết bị viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện).                                                     | 2610        |
| 3.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính<br>chi tiết: Sản xuất linh kiện và thiết bị máy tính                                                                                     | 2620        |
| 4.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng<br>chi tiết: Sản xuất linh kiện và thiết bị điện                                                                                                                 | 2740        |
| 5.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                    | 0810(Chính) |
| 6.  | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                      | 0892        |
| 7.  | Khai thác muối                                                                                                                                                                                     | 0893        |
| 8.  | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia<br>chi tiết: Sản xuất bia tươi                                                                                                                                  | 1103        |
| 9.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, nước đá                                                                                              | 1104        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>chi tiết: Sản xuất đồ gỗ gia dụng, các sản phẩm bằng kim loại, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ ; | 1629        |
| 11. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>chi tiết: Kinh doanh khách sạn                                                                                                                                        | 5510        |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                            | 4663        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: mua bán các sản phẩm bằng kim loại, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ                                                           | 4669        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị y tế.                                                                                                               | 4772 |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>chi tiết: Nhà hàng ăn uống                                                                                                                                                           | 5610 |
| 16. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Sản xuất hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh trang trí ;                                                                                                             | 3290 |
| 17. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>chi tiết: sửa chữa và bảo trì linh kiện và thiết bị điện, điện tử-thiết bị viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện), máy tính; sửa chữa sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị ngành công nghiệp | 3312 |
| 18. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>chi tiết: lắp đặt sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị ngành công nghiệp ;                                                                                                                     | 3320 |
| 19. | Xây dựng nhà các loại<br>chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                          | 4100 |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>chi tiết: Xây dựng công trình giao thông                                                                                                                                                    | 4210 |
| 21. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                             | 4220 |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi và các công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng.                                                                                              | 4290 |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                        | 4312 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị xây dựng; Lắp đặt công trình nội thất                                                                                                                                 | 4329 |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>chi tiết: Nạo vét sông hồ, kênh rạch, luồng, lạch biển.                                                                                                                                           | 4390 |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>chi tiết: Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa.                                                                                                                                                                  | 4610 |
| 27. | Bán buôn đồ uống<br>chi tiết: mua bán nước uống tinh khiết đóng chai, nước đá, bia tươi                                                                                                                                                  | 4633 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>chi tiết: mua bán đồ gỗ gia dụng, hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh trang trí. Bán buôn dụng cụ y tế.                                                                          | 4649 |
| 29. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>chi tiết: mua bán máy tính                                                                                                                                                        | 4651 |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>chi tiết: mua bán linh kiện và thiết bị điện, điện tử-thiết bị viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện)                                                               | 4652 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                        |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>chi tiết: Mua bán sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị ngành công nghiệp. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.                                                                           | 4659                                                         |
| 32. | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao<br>chi tiết: Hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền. Hoạt động của các câu lạc bộ thể hình, nhịp điệu, thể thao trên không, nhảy dù.                                                  | 9312                                                         |
| 33. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Đi du thuyền. Kinh doanh trò chơi điện tử                                                                                                                         | 9329                                                         |
| 34. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng. Cho thuê căn hộ. Đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf. Kinh doanh bãi tắm | 6810                                                         |
| 35. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>chi tiết: Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất.                                                                                                                 | 6820                                                         |
| 36. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư. Tư vấn xây dựng.                                                                                                                             | 7110                                                         |
| 37. | Quảng cáo<br>chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại.                                                                                                                                                                                   | 7310                                                         |
| 38. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>chi tiết: Trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                   | 7410                                                         |
| 39. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Môi giới thương mại.                                                                                                                              | 7490                                                         |
| 40. | Điều hành tua du lịch<br>chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.                                                                                                                                                              | 7912                                                         |
| 41. | - Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.    | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

## 6. Vốn điều lệ:

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu